



NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÍN DỤNG XANH CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

NGUYỄN VIỆT HƯNG

Tín dụng xanh thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đóng vai trò tích cực trong việc điều tiết, phân bổ nguồn lực tài chính trong nền kinh tế thị trường đến với các lĩnh vực kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu đang được Nhà nước khuyến khích, ưu tiên phát triển. Việc tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng xanh của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sẽ giúp quỹ triển khai hiệu quả hơn hoạt động tín dụng xanh, qua đó đóng góp nhiều hơn vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Từ khóa: Tín dụng xanh, dự án đầu tư xanh, bảo vệ môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

IMPROVING THE PERFORMANCE OF GREEN CREDIT MANAGEMENT BY THE VIETNAM ENVIRONMENT PROTECTION FUND

Nguyen Viet Hung

Green credit by the Vietnam Environment Protection Fund plays a positive role in regulating and allocating financial resources in the market economy to green economic sectors, environmental protection, and climate change prevention, which are encouraged and prioritized by the government. Finding solutions to improve the management efficiency of the green credit by the Vietnam Environment Protection Fund will help the fund more effectively implement green credit activities, thereby contributing more to achieving sustainable economic development and environmental protection goals according to the guidelines of the Party and the State.

Keywords: Green credit, green investment projects, environment protection, Vietnam Environment Protection Fund

Ngày nhận bài: 22/5/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 14/6/2024

Ngày duyệt đăng: 26/6/2024

Khái niệm tín dụng xanh và Quỹ Bảo vệ môi trường

Khái niệm tín dụng xanh

Các định nghĩa về tín dụng xanh được nhiều học giả đề cập tới, tuy nhiên chưa có sự thống nhất về các khái niệm này giữa các nghiên cứu và các tổ chức quốc tế. Wang và cộng sự (2019) định nghĩa

tín dụng xanh là chiến lược tín dụng của các ngân hàng, qua đó hạn chế việc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nặng nề được tiếp cận các gói tín dụng của ngân hàng. Jin và Mengqi (2011) cho rằng, tín dụng xanh chính là tài chính bền vững chủ yếu nhằm mục đích hướng đến sự phát triển bền vững thông qua điều chỉnh triết lý kinh doanh, chính sách quản trị và vận hành trong ngành Tài chính.

Tại Việt Nam, tín dụng xanh gắn liền với nhiệm vụ cụ thể là kênh dẫn vốn cho nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng xanh. Nguyễn Trọng Tài và Nguyễn Kim Oanh (2019) định nghĩa tín dụng xanh là các dòng vốn tín dụng hướng vào hoạt động không gây ô nhiễm môi trường sinh thái, thiết lập trạng thái cân bằng của điều kiện tự nhiên, từng bước hướng cuộc sống của con người hài hòa với môi trường tự nhiên.

Tổng quát lại, tín dụng xanh là các khoản tín dụng mà các tổ chức tài chính cho vay đối với các nhu cầu tiêu dùng, đầu tư, sản xuất kinh doanh mà không gây rủi ro đến môi trường, góp phần bảo vệ sinh thái chung, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Khái niệm Quỹ Bảo vệ môi trường

Theo quan điểm của các nhà kinh tế, Quỹ Bảo vệ môi trường (BVMT) có thể được hiểu là một thể chế hoặc một cơ chế được thiết kế để nhận kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau và từ đó phân phối các nguồn này để hỗ trợ quá trình thực hiện các dự án hoặc các hoạt động cải thiện, BVMT.



Nguồn thu cho quỹ BVMT được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, như phí và lệ phí môi trường; tiền đóng góp tự nguyện của các cá nhân và doanh nghiệp; khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật của các tổ chức trong nước, chính quyền địa phương và chính phủ và các tổ chức quốc tế bao gồm tiền phạt các hoạt động ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường hoặc từ các công cụ kinh tế khác (lệ phí thải, giấy phép có thể chuyển nhượng, thuế môi trường, tiền lãi và các khoản lợi khác thu được từ hoạt động của các quỹ...), từ đó phân phối các nguồn vốn này để hỗ trợ cho việc thực hiện các dự án hoặc các hoạt động cải thiện, BVMT.

Quỹ BVMT hoạt động thông thường dưới hình thức cung cấp hỗ trợ tài chính với các điều khoản ưu đãi, các khoản trợ cấp không hoàn lại, các khoản vay vốn dài hạn với lãi suất thấp hơn lãi suất hiện hành trên thị trường.

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tín dụng xanh của Quỹ Bảo vệ môi trường

Nhân tố chủ quan

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức bộ máy của quỹ BVMT được tổ chức theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, hiệu quả sẽ đảm bảo cho hoạt động của quỹ, trong đó bao gồm cả hoạt động tín dụng xanh được tối ưu hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời giảm thiểu rủi ro.

Thứ hai, quy trình, thủ tục cấp tín dụng xanh của quỹ BVMT được tổ chức khoa học, hợp lý, chặt chẽ sẽ cho phép bảo đảm thực hiện các khoản vay có chất lượng, kiểm soát rủi ro tín dụng.

Thứ ba, khả năng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại của các quỹ BVMT được trang bị đầy đủ, kèm theo có sự quản lý hoạt động chặt chẽ có thể tăng tiện ích cho khách hàng thông qua việc rút ngắn thời gian phê duyệt khoản tín dụng xanh.

Thứ tư, quy định nội bộ về hoạt động tín dụng xanh của quỹ BVMT cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ sẽ nâng cao hiệu quả giám sát đối với hoạt động tín dụng xanh của các quỹ BVMT, ngăn ngừa, hạn chế những sai sót của cán bộ tín dụng, nâng cao chất lượng cho vay.

Thứ năm, nguồn vốn của quỹ BVMT sẽ tác động trực tiếp đến quy mô, phạm vi của các khoản tín dụng xanh. Việc đa dạng các nguồn vốn của quỹ BVMT sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào NSNN (NSNN), huy động các nguồn lực xã hội hóa để triển khai chính sách BVMT, phát triển bền vững của đất nước.

Nhân tố khách quan

Một là, môi trường pháp lý đối với tín dụng xanh được hoàn thiện đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng xanh nói chung và hoạt động tín dụng xanh của Quỹ BVMT nói riêng được mở rộng và phát triển cả về chất và lượng.

Hai là, khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT được ban hành đầy đủ, chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất và toàn diện sẽ là cơ sở để các quỹ BVMT triển khai hoạt động hiệu quả, cũng như tăng cường công tác giám sát hiệu quả hoạt động của các quỹ BVMT.

Ba là, chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước liên quan đến tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững sẽ giúp các doanh nghiệp thấy được sự cần thiết phải chuyển đổi sang hình thức sản xuất kinh doanh có trách nhiệm với xã hội; từ đó, nhu cầu tiếp cận với các gói tín dụng xanh thông qua các ngân hàng thương mại, cũng như các quỹ BVMT sẽ tăng lên.

Bốn là, nguồn lực hỗ trợ từ NSNN mặc dù không hoàn toàn bắt buộc, nhưng đối với một số quỹ BVMT thì đây lại là điều kiện đảm bảo cho sự ổn định của quỹ; đặc biệt là đối với các quỹ BVMT không có cơ chế huy động vốn linh hoạt, hiệu quả hoặc quỹ mới thành lập.

Thực trạng quản lý hoạt động tín dụng xanh của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Kết quả đạt được của hoạt động tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam

Về mặt kinh tế - xã hội, các dự án BVMT khi được triển khai thông qua nguồn vốn tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam đã góp phần nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng tại địa phương, đóng góp vào nguồn thu cho NSNN; đồng thời, góp phần giảm chi phí khắc phục hậu quả môi trường, chi BVMT từ NSNN.

Về mặt hiệu quả tài chính đối với chủ đầu tư dự án vay vốn, theo kết quả khảo sát, nguồn vốn vay từ Quỹ BVMT Việt Nam được giải ngân kịp thời, theo đúng dự toán xây dựng đã hỗ trợ tích cực cho việc đảm bảo tiến độ triển khai dự án, hạn chế các tác động tiêu cực đến dòng tiền cũng như những chỉ tiêu tài chính của dự án. Ngoài ra, nguồn vốn vay ưu đãi từ Quỹ với lãi suất thấp (chỉ khoảng 50% so với mặt bằng lãi suất chung của thị trường) đã giúp chủ đầu tư tiết kiệm chi phí tài chính, đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng, thu hút nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào lĩnh vực



BVMT (Dương Thị Phương Anh, 2021).

Về mặt xã hội, các dự án vay vốn ưu đãi từ Quỹ BVMT Việt Nam khi triển khai phải có cam kết về vấn đề an toàn, không gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của dân cư nơi triển khai dự án, qua đó góp phần cải thiện chất lượng sống, môi trường sống của khu vực dân cư nơi triển khai.

Vấn đề tồn tại, hạn chế chủ quan

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ BVMT Việt Nam còn tương đối cồng kềnh, nhiều cán bộ quản lý kiêm nhiệm, phân cấp chưa phù hợp, dẫn đến việc ra quyết định trong hoạt động tín dụng xanh của Quỹ (đặc biệt là với các dự án lớn, vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc Quỹ) kéo dài, phần nào làm giảm tính kịp thời của chính sách.

Thứ hai, quy trình, thủ tục cấp tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam ở một khía cạnh nào đó còn chưa chặt chẽ, chưa được cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế, như chưa bố trí một bộ phận sau thẩm định cho vay, sổ tay tín dụng quy định chủ đầu tư dự án vay vốn phải cung cấp báo cáo tài chính nhưng lại không quy định điều kiện để kiểm soát chất lượng báo cáo tài chính...

Thứ ba, khả năng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại của Quỹ BVMT Việt Nam còn hạn chế, như hệ thống thông tin quản lý về tín dụng còn chưa tập trung và hiệu quả, chưa có chương trình, phần mềm quản lý hồ sơ khách hàng, dẫn đến tình trạng thiếu thông tin khi thẩm định và khi ra quyết định cho vay, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thẩm định khách hàng vay vốn, theo dõi khoản vay, làm giảm hiệu quả hoạt động cho vay của Quỹ.

Thứ tư, quy định nội bộ về quản trị rủi ro tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam mặc dù đã dần được hoàn thiện nhưng vẫn còn hạn chế nhất định. Quỹ BVMT Việt Nam chưa có hệ thống chấm điểm và hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng theo quy chuẩn. Hiện nay, Quỹ đang áp dụng việc xếp hạng phân loại khách hàng theo nhóm nợ, chưa đánh giá hết rủi ro tín dụng của khoản vay do hạn chế trong cơ sở dữ liệu đầu vào; do đó, chưa xây dựng được mô hình thích hợp cho việc lượng hóa mức độ rủi ro của khách hàng.

Thứ năm, nguồn vốn của Quỹ BVMT Việt Nam còn hạn chế, không đủ để đáp ứng nhu cầu của các chủ đầu tư vay vốn, số tiền cho vay chỉ đáp ứng được bình quân khoảng 35-40% tổng mức đầu tư của dự án. Quỹ BVMT Việt Nam cũng chưa chủ động trong công tác huy động vốn ngoài NSNN, qua gần 20 năm thành lập và hoạt động, tổng số vốn Quỹ huy động từ đóng góp của tổ chức, cá nhân là

khoảng 2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

Tồn tại, hạn chế khách quan

Về môi trường pháp lý đối với tín dụng xanh, hiện nay đã có cơ chế khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tài trợ, cho vay ưu đãi đối với dự án đầu tư xanh theo quy định tại Luật BVMT năm 2020 (Điều 149) và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, Quỹ BVMT Việt Nam không thuộc đối tượng của các cơ chế, chính sách nêu trên, do đó hiện nay vẫn chưa có chính sách cụ thể để khuyến khích, tạo điều kiện cho việc triển khai hoạt động tín dụng xanh tại Quỹ BVMT Việt Nam.

Về khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT Việt Nam, vẫn còn sự chưa đồng bộ giữa quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Quỹ BVMT Việt Nam. Luật BVMT năm 2020 quy định Quỹ BVMT Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước được thành lập ở Trung ương. Tuy nhiên, Luật NSNN năm 2015 và Luật Đầu tư công 2019 quy định NSNN cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, không quy định cấp vốn cho tổ chức tài chính nhà nước. Do đó, việc cấp bổ sung vốn điều lệ từ NSNN cho Quỹ BVMT Việt Nam khó có thể triển khai thực hiện do vướng mắc về căn cứ pháp lý.

Bên cạnh đó, hiện nay chưa có khung pháp lý đồng bộ, thống nhất điều chỉnh hoạt động của hệ thống quỹ BVMT từ Trung ương đến địa phương. Điều này dẫn đến cơ chế hoạt động, mô hình tổ chức, cơ chế cho vay, lãi suất cho vay không thống nhất. Các quỹ BVMT không sự phối kết hợp trong việc thẩm định, giải ngân, giám sát khoản vay, giám sát tài sản đảm bảo, thiếu cơ chế điều hành nguồn vốn linh hoạt giữa các quỹ; do đó làm giảm hiệu quả của hoạt động tín dụng xanh tại Quỹ BVMT Việt Nam nói riêng về hệ thống quỹ BVMT nói chung.

Về chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước liên quan đến tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, hiện nay chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực BVMT cũng chưa thực sự hiệu quả. Các khoản đầu tư BVMT chủ yếu là không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp, rủi ro cao nên các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm để đầu tư vào lĩnh vực này; trong khi đó các chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực BVMT còn khó tiếp cận vì lý do thủ tục hành chính và các quy trình xét duyệt cần thông qua nhiều bước, nhiều thời gian, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau.

Bên cạnh đó, nguồn lực hỗ trợ từ NSNN đối với Quỹ BVMT Việt Nam vẫn còn hạn chế. Theo các



nghiên cứu về quỹ BVMT tại một số nước trên thế giới, nguồn thuế, phí chiếm trung bình trên 60% tổng số nguồn vốn của quỹ. Tại Việt Nam, từ trước năm 2015, một phần phí BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản, phí BVMT đối với chất thải rắn, phí BVMT đối với nước thải đã được điều tiết về Quỹ BVMT Việt Nam và quỹ BVMT địa phương, nhưng số điều tiết về còn hạn chế. Tuy nhiên, từ khi Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Luật NSNN năm 2015 ra đời, các nguồn thu của NSNN (phí, lệ phí, thuế BVMT...) phải nộp hết về NSNN, không được chuyển thẳng về các quỹ BVMT. Theo quy định tại Luật NSNN 2015, ngân sách chỉ cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước, không cấp vốn bổ sung hàng năm, trong khi mức vốn điều lệ của Quỹ BVMT Việt Nam được ấn định mức tối đa là 1.000 tỷ đồng; do đó chưa có điều kiện để bổ sung nguồn lực NSNN cho Quỹ BVMT Việt Nam để đẩy mạnh hoạt động tín dụng xanh.

Đề xuất và kiến nghị

Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng xanh của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ BVMT Việt Nam, cần sắp xếp lại các phòng ban trong Quỹ theo hướng sát nhập 02 phòng dự án phát triển sạch và phòng tài trợ; thành lập 01 phòng hỗ trợ tín dụng hoặc bổ sung thêm nhân lực cho phòng tín dụng để giảm tải công việc cho cán bộ tín dụng.

Thứ hai, về quy trình, thủ tục cấp tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung Sổ tay tín dụng hiện hành để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; chú trọng công tác thẩm định phương án/dự án vay vốn và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng nhằm hạn chế rủi ro và giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình thực hiện cho vay các dự án.

Thứ ba, về khả năng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại của Quỹ BVMT Việt Nam, cần mạnh dạn đầu tư chương trình, phần mềm quản lý hồ sơ khách hàng, các thông tin liên quan đến khách hàng như tài sản thế chấp, bảo lãnh, lịch sử tín dụng,... để có thể trích xuất dễ dàng, phục vụ cho công tác thẩm định, ra quyết định cho vay (thay vì lưu trữ và khai thác trên word và/hoặc excel như hiện nay).

Thứ tư, về quy định nội bộ về hoạt động tín dụng xanh của Quỹ BVMT Việt Nam, cần nâng cao vai trò và tăng cường công tác kiểm soát nội bộ thông qua: tăng cường việc “tiền kiểm” bên cạnh việc “hậu kiểm”; nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ kiểm soát; quy định trách nhiệm đối với cán bộ kiểm soát,

có chế độ khuyến khích thưởng phạt để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kiểm soát...

Thứ năm, về nguồn vốn của Quỹ BVMT Việt Nam, cần tích cực, chủ động tìm kiếm nguồn vay, nguồn tài trợ từ các tổ chức nước ngoài đối với hoạt động BVMT, cũng như các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn từ NSNN; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Quỹ để thu hút các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân có thiện chí đối với công tác BVMT.

Kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền

Thứ nhất, kiến nghị đối Chính phủ: (i) Ban hành một chính sách đồng bộ, nhất quán từ Trung ương đến địa phương đối với các Quỹ BVMT nhằm tạo dựng một hệ thống có các quỹ có tính liên kết chặt chẽ trong việc hỗ trợ cho lĩnh vực BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu; (ii) Chỉ đạo việc tăng cường vốn điều lệ từ NSNN cho các Quỹ BVMT để Quỹ phát huy hiệu quả hoạt động, đồng thời bổ sung nguồn kinh phí hoạt động từ nguồn chi sự nghiệp môi trường cho Quỹ.

Thứ hai, kiến nghị đối với các Bộ, ngành liên quan: (i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành các văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ ngân hàng, quy định về quản trị rủi ro môi trường đối với các quỹ tài chính nhà nước không phải là tổ chức tín dụng, đồng thời ban hành cơ chế giám sát hoạt động ngân hàng tại các quỹ này để tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho hoạt động của các quỹ; (ii) Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định hiện hành điều chỉnh hoạt động của Quỹ BVMT Việt Nam không còn phù hợp, đồng thời trình các cấp có thẩm quyền bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích nhằm thúc đẩy nguồn vốn xã hội hóa cho công tác BVMT.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP về quy định một số điều chi tiết của Luật bảo vệ môi trường;
2. Dương Thị Phương Anh (2022), Luận án tiến sĩ “Hiệu quả cho vay ưu đãi tại các Quỹ Bảo vệ môi trường ở Việt Nam”;
3. Jin, Duan and Mengqi, Niu (2010). *The Paradox of Green Credit in China. Energy Procedia*, 5, 1979-1986;
4. Motoko Aizawa, Chaofei Yang (2010). *Green Credit, Green Stimulus, Green Revolution? China's Mobilization of Banks for Environmental Cleanup. The Journal of Environment & Development*, vol 19.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Việt Hưng

Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính (Bộ Tài chính)

Email: nguyenviethung1@mof.gov.vn